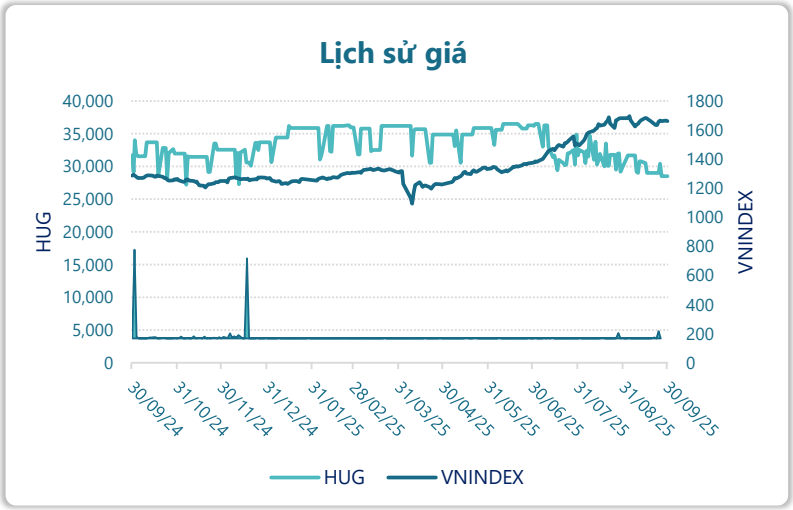
FireAnt

Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP (UPCOM: HUG)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**28,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	27,206
SL cổ phiếu LH	19,511,389
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,015
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	556
P/E	7.0
EPS	4,100

DT thuần

Q3/25

219

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.00| -3.4%

YoY: ▲ 19.0| 9.7%

LN sau thuế

Q3/25

17.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.60| -30.6%

YoY: ▼0.90| -4.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

9.2%

+/- YoY: ▼ 1.8%

DT thuần

9T 2025

634

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 123| 24.1%

LN sau thuế

9T 2025

58.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 16.8| 40.1%

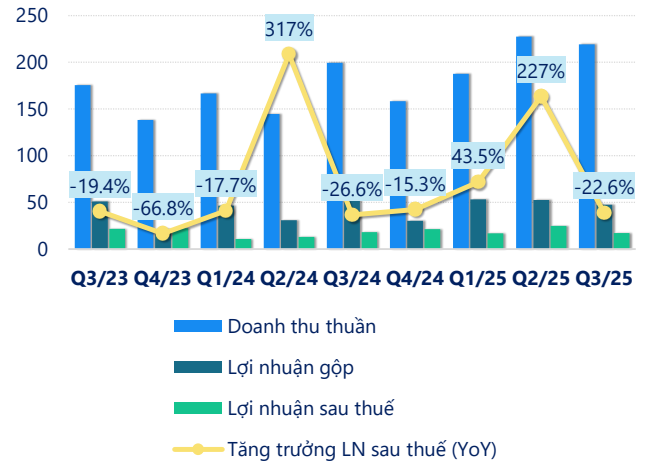
ROE

Q3/25

27.7%

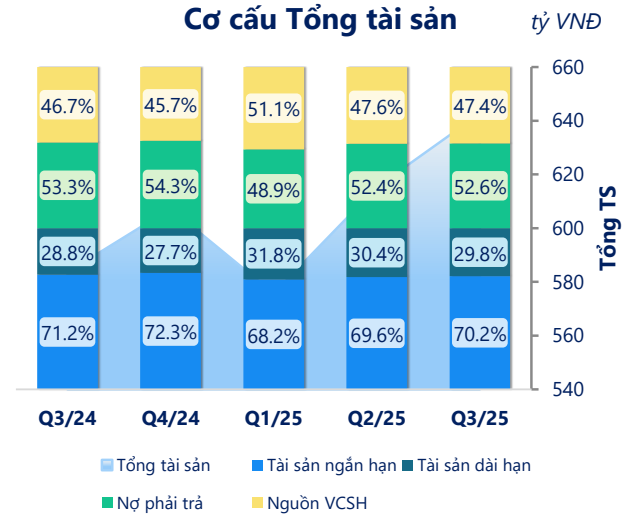
+/- YoY: ▲ 4.4%

Kết quả kinh doanh



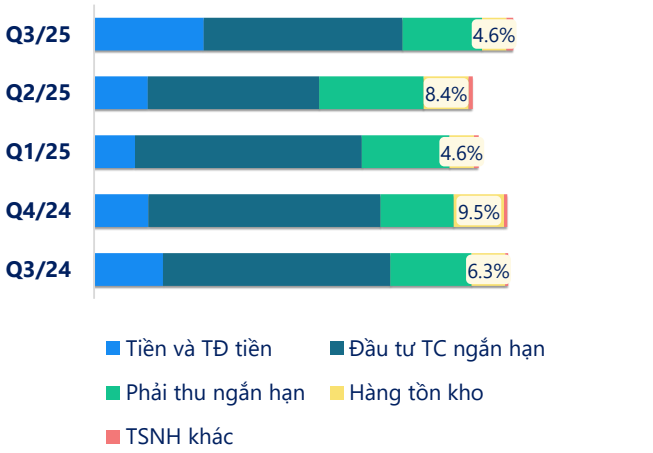
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



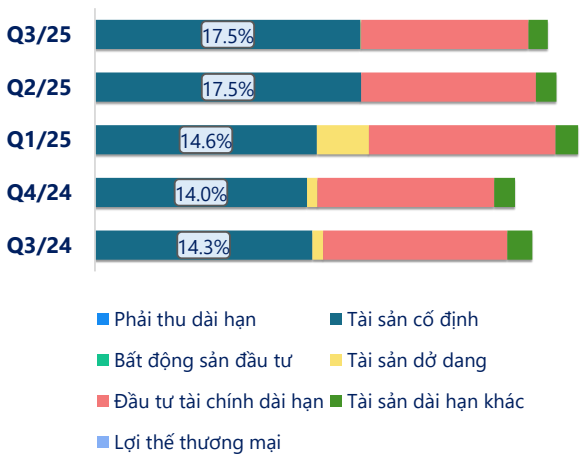
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



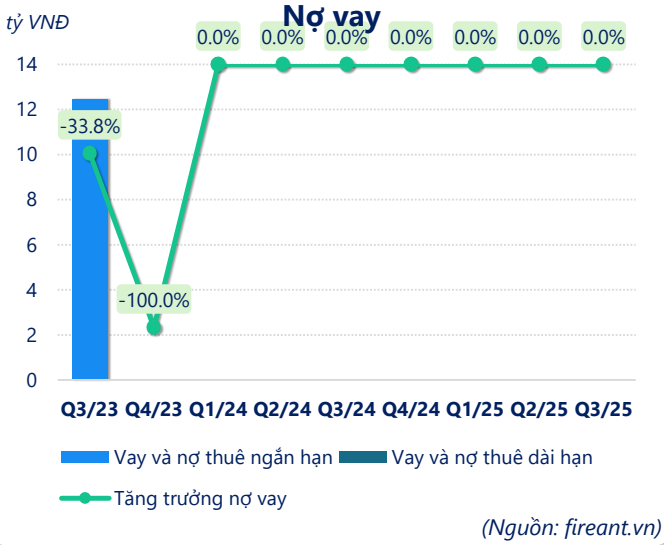
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



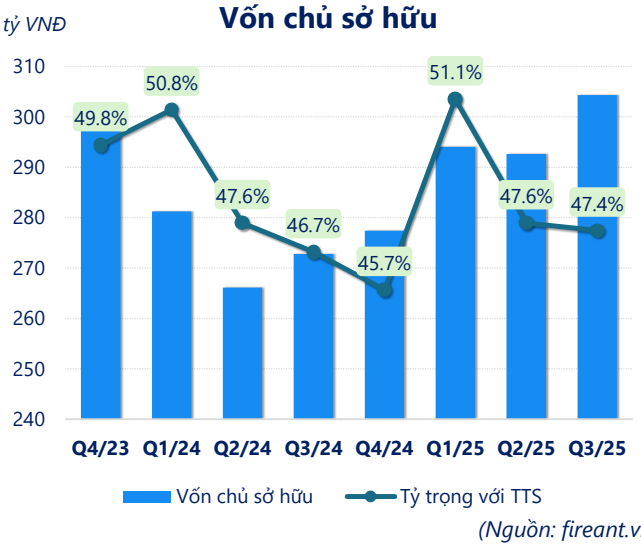
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



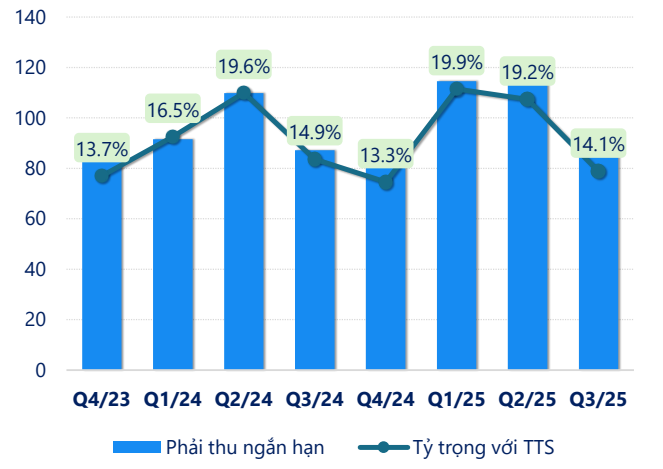
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



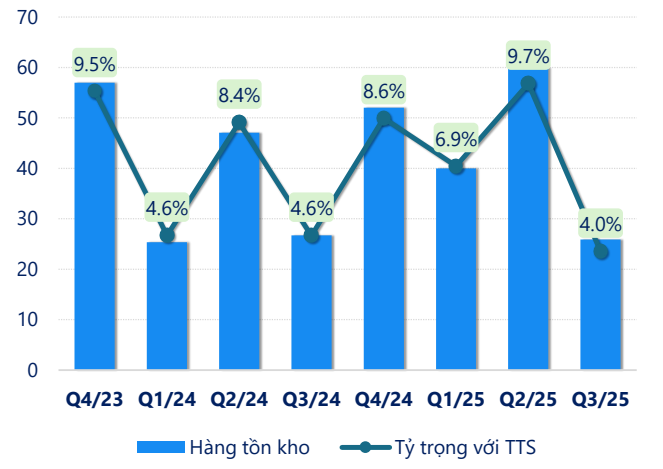
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



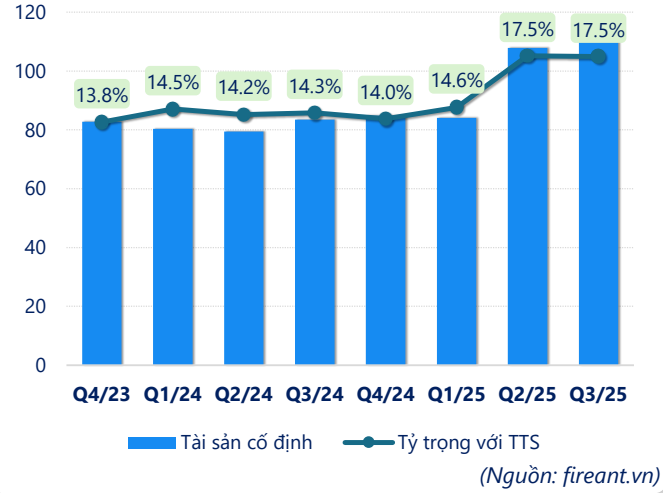
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



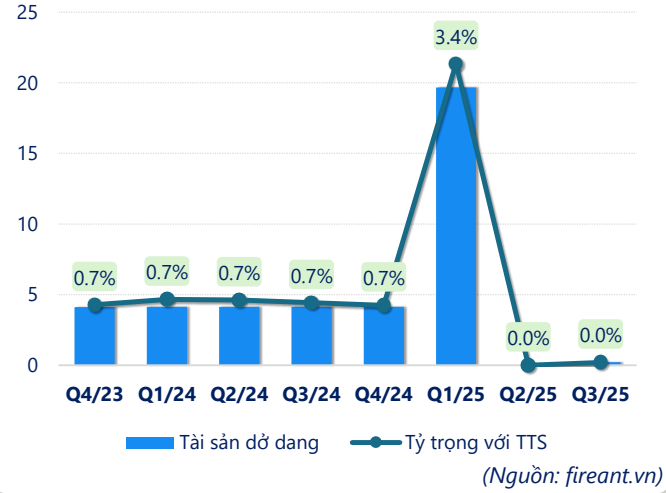
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



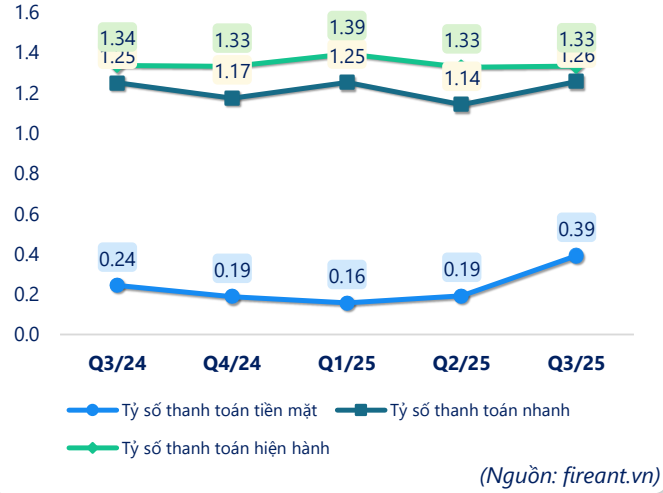
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



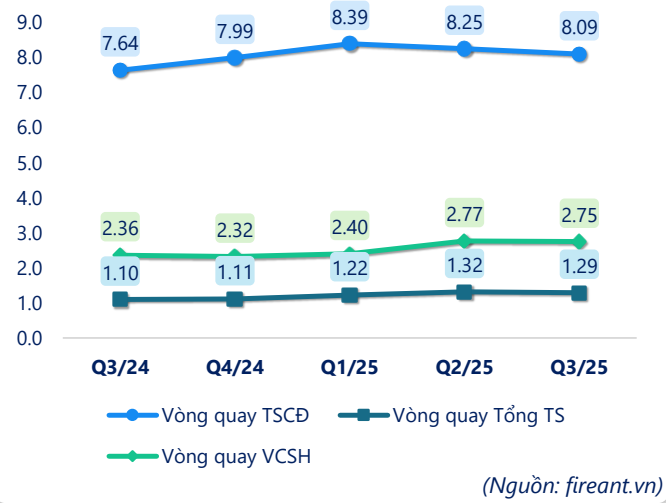
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**584**	**607**	**576**	**615**	**643**
Tài sản ngắn hạn	**416**	**439**	**393**	**428**	**451**
Tiền và tương đương tiền	75.7	62.0	44.2	62.2	133
Đầu tư tài chính ngắn hạn	218	240	184	176	190
Phải thu ngắn hạn	87.2	80.9	115	118	90.4
Hàng tồn kho	26.7	52.0	40.0	59.9	25.9
Tài sản ngắn hạn khác	7.76	4.80	10.3	12.6	12.5
Tài sản dài hạn	**168**	**168**	**183**	**187**	**192**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	83.5	84.8	84.1	108	112
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	4.13	4.13	19.7	0	0.21
Đầu tư tài chính dài hạn	70.8	70.8	70.8	70.8	70.8
Tài sản dài hạn khác	9.66	8.34	8.52	8.30	8.18
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**311**	**330**	**282**	**323**	**338**
Nợ ngắn hạn	**311**	**330**	**282**	**323**	**338**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	38.2	32.5	37.9	35.7	32.0
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**273**	**277**	**294**	**293**	**304**
Vốn chủ sở hữu	**273**	**277**	**294**	**293**	**304**
Vốn điều lệ	195	195	195	195	195
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)